

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC NĂM 2023

Luật Tài nguyên nước được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua tại ngày 27/11/2023; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 15/2023/L-CTN ngày 05/12/2023; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 (trừ quy định về việc tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và quy định về kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2026) và thay thế Luật Tài nguyên nước năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung), trừ một số quy định chuyển tiếp.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)¹

1. Cơ sở thực tiễn

Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 21/6/2012, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013. Trên cơ sở các quy định của Luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc Bộ ban hành theo thẩm quyền 70 văn bản để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và triển khai Luật (14 Nghị định, 21 Quyết định của Thủ tướng và 35 Thông tư).

a) Một số kết quả đạt được

- Về điều tra cơ bản tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành danh mục lưu vực sông liên tỉnh; danh mục lưu vực sông nội tỉnh; danh mục nguồn nước liên tỉnh, danh mục nguồn nước liên quốc gia; 06 địa phương ban hành danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh theo thẩm quyền; việc tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia cũng đang được thực hiện theo Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về công tác quy hoạch, đã có 07/15 quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (quy hoạch tài nguyên nước; quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước; quy hoạch tổng hợp của 05 lưu vực sông: Bằng Giang - Kỳ Cùng, Sê San, Srepok, Hồng - Thái Bình, Cửu Long).

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện đối với 642 hồ chứa,

¹ Tờ trình số 162/TTr-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ về Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)

đập dâng. Đây là cơ sở cho việc quản lý, điều hòa, giám sát hoạt động sử dụng nước các hồ chứa và bảo đảm các yêu cầu sử dụng nước ở hạ du các hồ chứa cũng như giảm thiểu tác động của việc xây dựng, vận hành các hồ chứa đối với hạ du.

- Đến nay, đã có 47/63 tỉnh đã phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Hầu hết các hồ thủy điện đang hoạt động (trên 1 triệu m³) đã và đang hoàn thành việc cắm mốc hàng lang. Đồng thời, đã có 40/63 tỉnh, thành đã thực hiện việc phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt cho các công trình thuộc đối tượng trên địa bàn tỉnh; có 27/63 tỉnh, thành đã ban hành Quyết định công bố danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; có 47/63 tỉnh, thành phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp; có 06/63 tỉnh, thành đã ban hành danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh theo thẩm quyền.

- Việc điều hòa, phân bổ tài nguyên nước bảo đảm công bằng trong khai thác, sử dụng nước đã từng bước được hoàn thiện. Việc ban hành và thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm bảo đảm điều hòa, phân bổ nguồn nước cũng như sử dụng tổng hợp nguồn nước và phòng chống tác hại do nước gây ra.

- Việc quản lý, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước được tăng cường, trong đó đã xây dựng và đang hoàn thiện hệ thống quan trắc giám sát tự động, trực tuyến phục vụ ra quyết định và quản lý ở Trung ương và địa phương.

- Việc bảo vệ, lưu thông dòng chảy, bảo vệ các nguồn nước đã phân cấp mạnh mẽ cho các địa phương góp phần phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước.

- Về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đến nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành gần 1.500 Quyết định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền trên 12.000 tỷ đồng. Ở địa phương, các tỉnh đã phê duyệt tổng số tiền cấp quyền khai thác sử dụng tài nguyên nước gần 600 tỷ đồng. Trung bình, số thu hàng năm từ tiền cấp quyền cho ngân sách Nhà nước khoảng 1.300 tỷ đồng và sẽ tiếp tục tăng do có thêm công trình khai thác tài nguyên nước đi vào hoạt động.

Qua hơn 10 năm thực hiện, Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của toàn xã hội về bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên nước; tài nguyên nước được quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững hơn, mang lại nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, sau hơn 10 năm thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế sau đây:

- Một số quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 còn có sự giao thoa, chồng chéo với các luật khác dẫn đến khó thực hiện hoặc lãng phí nguồn lực cần phải sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất.

- Việc chưa tách bạch rõ trách nhiệm trong quản lý nguồn nước với trách nhiệm quản lý công trình khai thác, sử dụng nước cũng như các hoạt động liên quan đến nước cũng là hạn chế của Luật, cùng với một số nội dung của pháp luật có liên quan chưa thống nhất, đồng bộ với Luật Tài nguyên nước. Điều này dẫn đến việc trên thực tế còn chồng chéo về nhiệm vụ và bất cập trong phối hợp triển khai giữa các Bộ, ngành, địa phương.

- Thiếu khung pháp lý cho an ninh nguồn nước trong bối cảnh tài nguyên nước của nước ta đang phải chịu nhiều thách thức, đặc biệt là vấn đề bảo đảm an ninh nước cho sinh hoạt.

- Chưa có cơ chế, chính sách minh bạch, rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi, hấp dẫn khuyến khích các nguồn lực xã hội của các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương như hoạt động quan trắc tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;... cũng như đầu tư vào ngành nước nhằm nâng cao hiệu quả trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển nguồn nước.

- Chưa có chính sách, quy định cụ thể nhằm tính toán đầy đủ, định giá giá trị của tài nguyên nước, điều này dẫn đến tình trạng sử dụng nước không tiết kiệm, thất thoát, lãng phí nước và triệt tiêu động lực phát triển, không kêu gọi được việc xã hội hóa trong ngành nước.

- Một số quy định điều kiện kinh doanh không còn phù hợp với điều kiện thực tế như quy định về thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước và lập quy hoạch về tài nguyên nước.

- Chưa có chính sách cụ thể, rõ ràng về sử dụng và phân bổ nguồn thu cho hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy, dẫn đến không thúc đẩy phát triển kinh tế các vùng miền.

- Ngoài ra, một số quy định không còn phù hợp hoặc cần phải có quy định cụ thể hơn hay phải bổ sung để nhằm quản lý chặt chẽ hơn như việc chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa; bổ sung nhân tạo nước dưới đất; kiểm soát các hoạt động đào hồ, ao tạo không gian chứa, trữ nước (hồ ao không trên sông suối) hoặc kênh nhân tạo dẫn nước; quy định liên quan đến phòng chống ngập úng khu vực đô thị; vấn đề chuyển đổi số, các quy định liên quan đến công cụ hỗ trợ ra quyết

định cho công tác quản lý tài nguyên nước; quy định cụ thể đối tượng cụ thể thuộc trường hợp khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác; các trường hợp phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước,...

Bên cạnh đó, việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước ở một số nơi còn chưa nghiêm và việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm chưa được thực hiện tốt; các cơ chế tài chính, chế tài, công cụ kiểm soát, giám sát chưa hiệu quả; các cơ chế hợp tác, giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới còn chưa đồng bộ; sự phối hợp chưa đồng bộ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành cũng là một vấn đề lớn cần giải quyết.

2. Cơ sở chính trị, pháp lý

Sau khi Luật Tài nguyên nước có hiệu lực, nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và nhà nước liên quan đến quản lý, bảo vệ tài nguyên, trong đó có tài nguyên nước, cụ thể:

- Hiến pháp năm 2013 quy định: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: *“Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên”*. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ *“Xây dựng chiến lược an ninh nguồn nước quốc gia”*.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ: *“Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”*.

- Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu nhấn mạnh Tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, là cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển vùng, cần phải được quản lý tổng hợp trên toàn lưu

vực. Bên cạnh tài nguyên nước ngọt, cần coi nước lợ, nước mặn cũng là nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tiết kiệm và bền vững tài nguyên nước trong vùng.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển.

- Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022.

- Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nêu giải pháp rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm đồng bộ, khả thi. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm liên kết, kết nối nguồn nước liên tỉnh, liên vùng...

Như vậy, cần thiết phải cập nhật, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước. Trong đó, cần nghiên cứu, sửa đổi ban hành Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) theo hướng bổ sung, hoàn thiện các chính sách đã ban hành và nghiên cứu tích hợp các quy định về quản lý nước trong một bộ luật về nước để quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện các vấn đề về nước trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)

Luật Tài nguyên nước năm 2023 gồm 10 chương và 86 điều, cụ thể như sau:

1. Chương I. Quy định chung: gồm 08 điều (*từ Điều 1 đến Điều 8*) quy định về: (1) phạm vi điều chỉnh; (2) giải thích từ ngữ; (3) nguyên tắc quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; (4) danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước; (5) chính sách của nhà nước về tài nguyên nước; (6) phát triển khoa học, công nghệ trong quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; (7) hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; (8) những hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II. Điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch về tài nguyên

nước: Gồm 02 mục, cụ thể:

- **Mục 1: Điều tra cơ bản tài nguyên nước:** gồm 02 điều (từ Điều 9 đến Điều 10) quy định về: (1) hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; (2) tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước.

- **Mục 2: Chiến lược, quy hoạch về tài nguyên nước:** gồm 10 điều (từ Điều 11 đến Điều 20) quy định về: (1) chiến lược tài nguyên nước quốc gia; (2) quy hoạch về tài nguyên nước; (3) căn cứ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (4) nguyên tắc lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (5) nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (6) nội dung của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (7) tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (8) công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (9) rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (10) phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.

3. Chương III. Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước: Gồm 14 điều (từ Điều 21 đến Điều 34), quy định về: (1) bảo vệ nguồn nước mặt; (2) chức năng nguồn nước; (3) hành lang bảo vệ nguồn nước; (4) dòng chảy tối thiểu; (5) bảo đảm lưu thông của dòng chảy; (6) bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt; (7) bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác; (8) bảo vệ nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch; (9) bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy; (10) ngưỡng khai thác nước dưới đất; (11) bảo vệ nước dưới đất; (12) phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; (13) phòng, chống ô nhiễm nước biển; (14) phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước.

4. Chương IV. Điều hòa, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Gồm 04 mục, cụ thể:

- **Mục 1: Điều hòa, phân phối tài nguyên nước:** gồm 06 điều (từ Điều 35 đến Điều 40) quy định về: (1) điều hòa, phân phối tài nguyên nước; (2) điều hòa, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước; (3) chuyển nước lưu vực sông; (4) quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa; (5) bổ sung nhân tạo nước dưới đất; (6) gây mưa nhân tạo.

- **Mục 2: Khai thác, sử dụng tài nguyên nước:** gồm 11 điều (từ Điều 41 đến Điều 51) quy định về: (1) quy định chung về khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (2) quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (3) khai thác tài nguyên nước cho sinh hoạt; (4) khai thác tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp; (5) khai thác tài nguyên nước cho thủy điện; (6) khai

thác tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản; (7) khai thác tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản và mục đích khác; (8) sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy; (9) sử dụng nguồn nước cho các mục đích khác; (10) đập, hồ chứa và việc khai thác, sử dụng nước liên quan đến đập, hồ chứa; (11) quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước.

- **Mục 3: Khai thác, đăng ký, cấp giấy phép về tài nguyên nước:** gồm 06 điều (từ Điều 52 đến Điều 57) quy định về: (1) quy định chung về việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (2) thẩm quyền, trình tự, thủ tục kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (3) thời hạn của giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất; (4) nguyên tắc đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (5) căn cứ cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất; (6) điều kiện cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất.

- **Mục 4: Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả:** gồm 03 điều (từ Điều 58 đến Điều 60) quy định về: (1) sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, hiệu quả; (2) sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; (3) ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

5. Chương V. Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra: Gồm 06 điều (từ Điều 61 đến Điều 66), quy định về: (1) trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; (2) phòng, chống và khắc phục tác hại của nước do thiên tai gây ra; (3) phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo; (4) phòng, chống xâm nhập mặn; (5) phòng, chống sụt, lún đất; (6) phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ.

6. Chương VI. Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực cho tài nguyên nước: Gồm 08 điều (từ Điều 67 đến Điều 74), quy định về: (1) nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước; (2) thuế, phí về tài nguyên nước; (3) tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; (4) dịch vụ về tài nguyên nước; (5) hạch toán tài nguyên nước; (6) nguồn lực cho quản lý, bảo vệ, điều hoà, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; (7) ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động quản lý, bảo vệ, điều hoà, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; (8) xã hội hóa đầu tư phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước.

7. Chương VII. Hợp tác quốc tế về tài nguyên nước: gồm 04 điều (từ Điều 75 đến Điều 78), quy định về: (1) nguyên tắc hợp tác quốc tế về tài nguyên nước; (2) nội dung hợp tác quốc tế về tài nguyên nước; (3) trách nhiệm bảo vệ

quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia; (4) giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia.

8. Chương VIII. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước: Gồm 03 điều (*từ Điều 79 đến Điều 81*), quy định về: (1) trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ; (2) trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp; (3) điều phối, giám sát hoạt động bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông.

9. Chương IX. Thanh tra, kiểm tra về tài nguyên nước: Gồm 02 điều (*Điều 82 và Điều 83*), quy định về: (1) thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước; (2) kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước.

10. Chương X. Điều khoản thi hành: Gồm 03 điều (*từ Điều 84 đến Điều 86*), quy định về: (1) sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến tài nguyên nước; (2) hiệu lực thi hành; (3) quy định chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)

1. Những quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Tài nguyên nước năm 2023 (*sau đây viết tắt là Luật năm 2023*) quy định về quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nước dưới đất dưới đáy biển và nước biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

So với Luật Tài nguyên nước năm 2012, đã được sửa đổi, bổ sung (*sau đây viết tắt là Luật năm 2012*), Luật năm 2023 đã bổ sung phạm vi điều chỉnh về “*điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển tài nguyên nước*”; đồng sử dụng chính xác hơn cụm từ “*Nước dưới đất dưới đáy biển và nước biển*” không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật thay cho cụm từ “*Nước dưới đất và nước biển*” như trước đây.

1.2. Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước (Điều 4)

Luật năm 2023 quy định các chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước, gồm:

(1) Hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa công tác quản lý tài nguyên nước hướng tới quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số thông qua Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực trong công tác quản lý tài nguyên nước.

(2) Ưu tiên đầu tư tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước, tích trữ nước, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư khai thác nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất cho người dân ở các vùng khan hiếm nước ngọt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tạo điều kiện tiếp cận nước sinh hoạt cho người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng dễ bị tổn thương khác.

(3) Ưu tiên đầu tư xây dựng mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước, Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, nâng cao khả năng dự báo tài nguyên nước, lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra.

(4) Khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; bảo vệ, phát triển nguồn nước, nguồn sinh thủy; tích trữ nước và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; điều hòa, phân phối tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

(5) Khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phục hồi, phát triển nguồn nước; khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; xử lý nước biển thành nước ngọt; thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

(6) Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế về tài nguyên nước.

Một trong những điểm mới của Luật năm 2023 về chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước, đó là Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản; bảo vệ, phát triển tài nguyên nước; phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; đồng thời khuyến khích các tổ chức tài chính phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các sản phẩm tài chính để hỗ trợ cho hoạt động phục hồi nguồn nước.

Tổ chức, cá nhân tham gia phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm sẽ được hưởng ưu đãi, hỗ trợ, miễn, giảm thuế, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Khoản 4 Điều 34 Luật năm 2023.

1.3. Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước (Điều 5)

- Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước là căn cứ để thực hiện nội dung quản lý, điều tra cơ bản, quy hoạch, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra theo lưu vực sông, nguồn nước.

- Danh mục lưu vực sông bao gồm: (1) Danh mục lưu vực sông liên quốc gia; (2) Danh mục lưu vực sông liên tỉnh; (3) Danh mục lưu vực sông nội tỉnh.

- Danh mục nguồn nước bao gồm: (1) Danh mục nguồn nước mặt liên quốc gia, danh mục nguồn nước mặt liên tỉnh, danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh; (2) Danh mục nguồn nước dưới đất.

So với Luật năm 2012, Luật năm 2023 đã bổ sung Danh mục lưu vực sông liên quốc gia và Danh mục nguồn nước dưới đất.

1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8)

Luật năm 2023 quy định 10 nhóm hành vi bị nghiêm cấm, trong đó bổ sung nghiêm cấm đối với hành vi “*Lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch*”.

2. Điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch về tài nguyên nước (Chương II)

Luật năm 2023 quy định cụ thể về điều tra cơ bản tài nguyên nước; chiến lược, quy hoạch về tài nguyên nước, cụ thể:

- Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước để thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng Chiến lược tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch về tài nguyên nước, quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra, bảo đảm an ninh nguồn nước. Điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm các hoạt động: (1) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước; (2) Kiểm kê tài nguyên nước; (3) Xây dựng báo cáo tài nguyên nước quốc gia; (4) Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát, cảnh báo, dự báo nguồn nước; xây dựng, vận hành hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định; (5) Đo đạc mặt cắt sông, suối; đánh giá diễn biến sạt lở lòng, bờ, bãi sông; điều tra, khảo sát phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, lập hành lang bảo vệ nguồn nước; (6) Xây dựng kịch bản nguồn nước; báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ có liên quan gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp. Thời kỳ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước là 10 năm, tầm nhìn là 30 năm (*Luật năm 2012 quy định tầm nhìn là 20 năm*).

- Chiến lược tài nguyên nước quốc gia là cơ sở để xây dựng quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước. Chiến lược tài nguyên nước quốc gia có các nội dung chính sau: (1) Quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, tầm nhìn, mục tiêu về bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển nguồn nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; (2) Định hướng, nhiệm vụ và giải pháp tổng thể về bảo vệ, điều hoà, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; đề án, dự án ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn trong kỳ chiến lược. Chiến lược tài nguyên nước quốc gia được xây dựng cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 50 năm (*Luật năm 2012 quy định tầm nhìn 20 năm theo kỳ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội*).

3. Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước (Chương III)

- Luật năm 2023 quy định cụ thể về bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước, trong đó quy định chức năng nguồn nước là một trong các căn cứ để lựa chọn các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; để xem xét, quyết định việc chấp thuận, phê duyệt, cấp phép cho các dự án có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước.

- Về bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, Luật đã bổ sung quy định giao cho Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương xây dựng Danh mục công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng; Bộ Công an có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng.

- Bổ sung các quy định cụ thể, chính sách để tăng cường việc phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, đặc biệt là các dòng sông “chết”. Luật giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập danh mục nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm cần phục hồi; xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Điều hoà, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Chương IV)

Luật năm 2023 đã quy định cụ thể về điều hoà, phân phối tài nguyên nước; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; khai thác, đăng ký, cấp giấy phép về tài nguyên nước, trong đó có một số điểm mới đáng lưu ý:

- Bổ sung quy định Hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình phải thực hiện kê khai để quản lý (Khoản 4 Điều 52), quy

định này sẽ được thực hiện từ ngày 01/7/2026 (sau thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật 02 năm).

- Bổ sung quy định cụ thể về thời hạn của giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất tại Khoản 1 Điều 54 (Trước đây, thời hạn của giấy phép khai thác tài nguyên nước được quy định tại Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước) như sau:

“1. Thời hạn của giấy phép khai thác tài nguyên nước được quy định như sau:

a) Giấy phép khai thác nước mặt có thời hạn tối đa 10 năm, tối thiểu 05 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn 05 năm;

b) Giấy phép khai thác nước biển có thời hạn tối đa 15 năm, tối thiểu 10 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn 10 năm;

c) Giấy phép khai thác nước dưới đất có thời hạn tối đa 05 năm, tối thiểu 03 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn 03 năm;

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép với thời hạn ngắn hơn thời hạn tối thiểu quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì giấy phép được cấp theo thời hạn đề nghị trong đơn và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối đa không quá thời hạn giấy phép đã được cấp, gia hạn liền trước đó”.

Theo đó, thời hạn của giấy phép khai thác tài nguyên nước đã bị rút ngắn, cụ thể: Trước đây phép khai thác, sử dụng nước mặt có thời hạn tối đa là 15 năm, tối thiểu là 05 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối thiểu là 03 năm, tối đa là 10 năm (nay quy định có thời hạn tối đa là 10 năm, tối thiểu là 03 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối thiểu là 02 năm, tối đa là 05 năm). Giấy phép khai thác nước dưới đất có thời hạn tối đa 05 năm, tối thiểu 03 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn 03 năm (nay quy định thời hạn là hai (02) năm và được xem xét gia hạn một (01) lần, thời gian gia hạn không quá một (01) năm).

- Quy định cụ thể 11 trường hợp tổ chức, cá nhân không phải kê khai, cấp phép khai thác tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, gồm: (1) Khai thác nước cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phòng cháy, chữa cháy, phục vụ mục đích quốc phòng và an ninh, tưới cây và rửa đường phục vụ mục đích công cộng; (2) Khai thác nước mặt quy mô nhỏ để sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; (3) Khai thác nước mặt quy mô nhỏ; (4) Khai thác nước cho sinh hoạt tại các khu vực trong thời gian xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sự cố ô nhiễm, dịch bệnh do cấp có

thâm quyền công bố theo quy định của pháp luật; (5) Khai thác nước biển để sử dụng cho sản xuất muối; (6) Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động trên biển; (7) Khai thác nước biển quy mô nhỏ để sử dụng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền; (8) Sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ quy mô nhỏ; (9) Đào hồ, ao, kênh, mương, rạch quy mô nhỏ để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan; (10) Hoạt động sử dụng mặt nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy lợi; (11) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

- Bổ sung quy định Nhà nước khuyến khích các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khai thác, sử dụng nước và xả nước thải có giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước ngay trong giai đoạn xây dựng dự án. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật. Đối với dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có thực hiện giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước được xem xét giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước (Điều 59). Tổ chức, cá nhân đầu tư sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; thu gom, sử dụng nước mưa; sử dụng nước được khử muối từ nước biển, đầu tư thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước được ưu đãi theo quy định của pháp luật (Điều 60).

5. Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra (Chương V)

Luật năm 2023 đã quy định cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; phòng, chống và khắc phục tác hại của nước do thiên tai gây ra; phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo; phòng, chống xâm nhập mặn; phòng, chống sụt, lún đất; phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ.

6. Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực cho tài nguyên nước (Chương VI)

Luật đã quy định rõ các chính sách về thuế, phí tài nguyên nước, hạch toán tài nguyên nước để phản ánh đúng, đủ giá trị của tài nguyên nước làm nguyên tắc định hướng khi sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về thuế, phí. Bổ sung quy định về thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước nhằm nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả của người sử dụng nước (*bổ sung thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với nước sinh hoạt và thu tiền cấp quyền khai thác theo lộ trình đối với sản xuất nông nghiệp*).

7. Hợp tác quốc tế về tài nguyên nước (Chương VII)

Luật quy định cụ thể về nguyên tắc hợp tác quốc tế về tài nguyên nước; nội dung hợp tác quốc tế về tài nguyên nước; trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia; giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia.

8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước (Chương VIII)

Luật quy định cụ thể về trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ; trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp; điều phối, giám sát hoạt động bảo vệ, điều hoà, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông. Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất chỉ đạo việc phối hợp hoạt động của tổ chức lưu vực sông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc điều hoà, phân phối tài nguyên nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên các lưu vực sông; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc điều hoà, phân phối tài nguyên nước và điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông nội tỉnh.

9. Thanh tra, kiểm tra về tài nguyên nước (Chương IX)

9.1. Thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước

Luật năm 2023 giữ nguyên quy định của Luật năm 2012 về thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước, theo đó, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước.

9.2. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước

Luật năm 2023 đã bổ sung quy định về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, cụ thể:

- Công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước được thực hiện theo kế hoạch, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm; không trùng lặp về phạm vi, thời gian với hoạt động thanh tra, kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị; khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.

- Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp có thể gia hạn một lần nhưng thời gian gia hạn không quá 10 ngày.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước; Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước.

10. Điều khoản thi hành (Chương X)

- Luật năm 2023 Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến tài nguyên nước (*Sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15 và Luật số 16/2023/QH15; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 16/2023/QH15; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15 và Luật số 20/2023/QH15; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15. Bãi bỏ Điều 5 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14).*

- Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, trừ quy định về việc tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và quy định về kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

để
tuyên
truyền

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG